

QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀO HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TRÊN BIỂN ĐÔNG VÀ SỰ ĐỊNH HÌNH TÍNH MỞ CỦA VĂN HÓA - XÃ HỘI ĐÀNG TRONG Ở THẾ KỶ XVII-XVIII

NGUYỄN ĐÌNH CƠ*

Tóm tắt: Do điều kiện lãnh thổ chạy dài dọc theo Biển Đông, trong suốt chiều dài lịch sử của mình, Việt Nam đã hình thành nên một truyền thống hướng biển mạnh mẽ. Từ khi chúa Nguyễn mở đất Đàng Trong, truyền thống đó càng được phát huy, dòng thương mại Biển Đông đã có ảnh hưởng sâu sắc tới sự tồn tại và phát triển của vùng lãnh thổ vừa mới thành lập. Trên cơ sở phân tích những sử liệu từ các công trình sử học Việt Nam, đồng thời có sự đối sánh với những tư liệu của các thương nhân, các giáo sỹ phương Tây và khu vực, bài viết làm rõ về sự hội nhập của Đàng Trong vào “thời đại thương mại”, cũng như sự tác động của hoạt động đó tới quá trình định hình tính mở của văn hóa - xã hội Đàng Trong ở thế kỷ XVII - XVIII.

Từ khóa: Biển Đông, Đàng Trong, Hoạt động thương mại, Văn hóa - xã hội.

1. Sự tham gia của Đàng Trong vào hoạt động thương mại Biển Đông

Đến thế kỷ XV, mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện ở Châu Âu. Quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy, cùng với cuộc đấu tranh ngấm ngầm trong lòng xã hội phong kiến đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tiến bộ của kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật hàng hải. Các con thuyền lớn đi biển có thể điều chỉnh hướng gió bằng hệ thống cột buồm như tàu Caraven được

chế tạo. Những tri thức về trái đất, về các châu lục, đại dương... đã giúp các nhà hàng hải thế giới có thể thực hiện những chuyến đi dài ngày trên biển. Giữa thế kỷ XVI, sau các cuộc phát kiến địa lý, người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã nhanh chân xâm nhập và từng bước phá vỡ mối giao thương truyền thống ở khu vực Châu Á. Đầu thế kỷ XVII, các cường quốc hải thương mới đã trở dậy mạnh mẽ, đặc biệt là sự thành lập của công ty Đông Ấn Anh (EIC) năm 1600, công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) năm 1602,

* ThS. Nguyễn Đình Cơ, Trường Cao đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

và muộn hơn là công ty Đông Ấn Pháp vào năm 1664, với tiềm lực lớn, cùng với sức mạnh của những cường quốc trẻ, VOC và EIC đã dần thế chỗ của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, làm thay đổi sâu sắc thêm hoạt động buôn bán ở Châu Á, cũng như ở khu vực Biển Đông.

Trong khi đó, ở khu vực Đông Nam Á đầu thế kỷ XV, hải trình buôn bán trên Biển Đông đã có sự thay đổi: không giống như trước đây, lộ trình truyền thống là đi dọc theo tuyến biển ven bờ Biển Đông và Vịnh Bắc Bộ, bây giờ có thể đi từ “*Nam Kinh đến Phúc Kiến rồi từ đó thẳng đến Chiêm Thành (cảng Nước Mặn), từ đó đến các quốc gia khác*”⁽¹⁾. Nhờ đó, các hải cảng ở khu vực Đàng Trong đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giao thương của khu vực Châu Á. Ra đời trong bối cảnh quốc tế thuận lợi như vậy, Đàng Trong càng có điều kiện để hội nhập vào quá trình thông thương của khu vực và thế giới. Như nhận xét của Li Tana: “*Đàng Trong ra đời đúng thời đúng buổi, trong một “kỷ nguyên thương mại” (Age of Commerce)*”⁽²⁾.

Năm 1558, trước nguy cơ đe dọa của người anh rể Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng lên đường trấn nhậm xứ Thuận Hóa, theo lời khuyên: “*Hoành Sơn nhất đại vạn đại dung thân*” của trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Mục tiêu ban đầu của Nguyễn Hoàng khi đặt chân đến vùng đất “*ô châu ác địa*” cực Nam này không gì khác ngoài việc tìm một nơi tạm lánh khỏi mối nguy hiểm ở Đàng Ngoài. Chắc hẳn chưa thể manh nha việc mưu đồ cát cứ ở thời điểm này trong con người chúa Tiên, có chăng ông chỉ xem Thuận Hóa như một chỗ đứng chân tạm thời để chuẩn bị cho công cuộc

giành lại quyền lực từ tay họ Trịnh sau này. Chỉ sau chuyến đi ra Bắc lần 2 trở về (năm 1600) mới tạo ra bước ngoặt lớn trong con người chúa Tiên cũng như vùng đất Đàng Trong. Từ đây, Nguyễn Hoàng đã có những suy nghĩ và toan tính để thay đổi cách ứng xử với chính quyền vua Lê - chúa Trịnh. Ý thức xây dựng một vùng lãnh thổ Đàng Trong cường thịnh đã trở dậy trong con người chúa Tiên. Để đạt được mục tiêu này có 2 vấn đề cấp bách mà theo tác giả, Nguyễn Hoàng đã hình dung và bước đầu có hướng giải quyết: *thứ nhất*, phải nâng cao tiềm lực của vùng đất Đàng Trong một cách nhanh chóng để có thể chống lại những cuộc tấn công của Đàng Ngoài (có tiềm lực lớn hơn nhiều); *thứ hai*, phải mở rộng vùng đất Đàng Trong ra khỏi không gian chật hẹp của xứ Thuận - Quảng.

Với một tư duy sắc bén, tầm nhìn xa, Nguyễn Hoàng đã quyết định lấy thương nghiệp làm đòn bẩy để gây dựng vùng đất của mình và dồn sức phát triển ngoại thương. “*Ông (tức Nguyễn Hoàng) đã tìm thấy giải pháp cho những suy tính của ông trong việc đẩy mạnh nền thương mại với các thương gia nước ngoài*”⁽³⁾. Kế thừa một vùng đất có nhiều lợi thế về hải thương, như giáo sĩ Cristophoro Bori nhận xét: “*hải cảng thì thật lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn 100 dặm một chút mà người ta đếm hơn sáu mươi hải cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền. Là vì ven bờ có những nhánh biển lớn*”⁽⁴⁾, chúa Tiên và những người kế tục đã có những chính sách cởi mở, thông thoáng để phát triển thương nghiệp, với một tinh thần tự cường cao. Cũng theo Cristophoro Bori: “*Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một*

quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc... Phương châm của người Đàng Trong là không tỏ ra sợ một nước nào trên thế giới⁽⁵⁾.

Thế kỷ XVII-XVIII, trái ngược với sự bất ổn về chính trị, kinh tế Đàng Trong phát triển khởi sắc, đặc biệt là ngoại thương. Đây là lần đầu tiên, một khu vực lãnh thổ của Đại Việt có mối quan hệ kinh tế rộng mở với bên ngoài, thuyền buôn của nhiều nước (cả phương Đông và Phương Tây) đã cập bến các hải cảng Đàng Trong trao đổi hàng hóa. Nhờ những chính sách tiến bộ của chính quyền chúa Nguyễn, hoạt động hải thương trên Biển Đông ở Đàng Trong đã diễn ra vô cùng sôi động. *"Trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế đối ngoại lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và hưng thịnh như vậy"*⁽⁶⁾. Theo Li Tana: Đàng Trong trở thành "vùng đất mới", "một thế giới khác" so với trước đây, cũng như lãnh thổ Đàng Ngoài của Đại Việt⁽⁷⁾. Sự khác biệt này chính là ở tính mở của nền kinh tế Đàng Trong.

Nhờ những chính sách mở của chính quyền chúa Nguyễn, chỉ trong một thời gian ngắn, Đàng Trong phục hưng trở lại hệ thống cảng như Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn ở khu vực Trung Bộ và sau đó là các cảng vùng sông Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên... ở Nam Bộ. Hầu hết các quốc gia trong khu vực và các cường quốc kinh tế trên thế giới lúc bấy giờ đều đến thiết lập quan hệ trao đổi buôn bán với Đàng Trong.

Đối với các nước trong khu vực, chúa Nguyễn vẫn duy trì và đẩy mạnh hoạt động buôn bán với khu vực truyền thống, trong đó mạnh nhất là buôn bán với Trung Hoa và Nhật Bản. Từ thế kỷ XVI, Nguyễn

Hoàng và các vị chúa kế nhiệm đã có nhiều chính sách nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao với chính quyền Mạc Phủ và thu hút thương nhân Nhật Bản đến Đàng Trong buôn bán. Theo *Ngoại phiên thông thư* (tập thư từ ngoại giao giữa Mạc Phủ Tokugawa với các nước), từ năm 1601, chúa Tiên đã nhiều lần gửi những thông thư cho Tokugawa Ieyasu nhằm trao đổi ngoại giao và kêu gọi nước Nhật cử thuyền tới các cảng thị Đàng Trong buôn bán. Đến thời Nguyễn Phúc Nguyên, ông còn nhận một thương nhân người Nhật làm con nuôi và cho người Nhật lập khu phố ở Hội An (Faifo). Thương nhân Nhật đến Đàng Trong mang theo: binh khí, giáp trụ, đao kiếm Nhật... để trao đổi và thu mua: kỳ nam, trầm hương, gỗ quý, lụa trắng mịn, mật ong, gỗ lồi, chim công... Trong thời kỳ Châu ấn thuyền (Shuin Sen, 1604-1634), Đàng Trong chính là điểm đến ưa thích của các thuyền Châu ấn (theo thống kê của Iwanami Shoten, từ năm 1604-1635, có 87 thuyền châu ấn cập bến Đàng Trong, chiếm 24,4 % tổng số thuyền đến Đông Nam Á⁽⁸⁾). Ngoài ra, nhiều thuyền mảnh từ các cảng thị của Đàng Trong cũng đến Nhật Bản trực tiếp mua hàng hóa. Dựa vào nghiên cứu của Keisuke Yao trong khoảng thời gian từ năm 1715-1730, từ thương cảng Hội An (Quảng Nam) có 3 thuyền đã cập bến cảng Nagasaki của Nhật ... Từ cuối thế kỷ XVII, tác động từ chính sách tỏa quốc của chính quyền Mạc phủ (Sakoku, 1639-1853), thuyền buôn Châu ấn Nhật (Shuin Sen) dần dần rút về nước. Vai trò của thương nhân người Hoa càng được nâng cao. Thương nhân người Hoa vừa là trung gian trao đổi hàng hóa giữa thương

nhân các nước khác với Đàng Trong, vừa là sứ giả thương thuyết buôn bán cho Đàng Trong. Li Tana đã đánh giá rất cao vị trí của Đàng Trong trong hệ thống thương mại khu vực: việc một phần tư các thuyền có hải trình Châu Á của Nhật Bản đã tới buôn bán với Đàng Trong, và việc 30% số thuyền của người Hoa từ các nước Đông Nam Á đến Nhật từ năm 1647 đến 1720 xuất phát từ Đàng Trong, chứng tỏ trong thế kỷ 17, khu vực này trở thành đối tác thương mại quan trọng của Nhật, và có vai trò quan trọng trong quan hệ thương mại tại Châu Á⁽⁹⁾. Ngoài ra, chúa Nguyễn cũng mở rộng mối quan hệ buôn bán với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Việc buôn bán với các quốc gia trong khu vực có thuận lợi trước hết ở vị trí địa lý gần nhau (đặc biệt là các quốc gia có chung Biển Đông), hơn nữa hoạt động này thực chất đã có truyền thống từ trước đó rất lâu (dưới thời vương quốc Champa và Phù Nam⁽¹⁰⁾). Không chỉ được thực hiện qua trung gian là thương nhân người Hoa và Nhật Bản, chính quyền Đàng Trong còn tiến hành buôn bán trực tiếp với một số nước ở Đông Nam Á như: Xiêm, Malaca, Manila... Như nhận định của Li Tana, đây là lần đầu tiên: *"Nhiều người Việt đã bắt đầu ra ngoài buôn bán với sự khuyến khích của nhà nước trong khi các vương quốc kế cận có thể buôn bán với Việt Nam mà không cần phải che giấu các mối quan hệ của họ dưới nhãn hiệu "triều cống" cho hoàng đế"*⁽¹¹⁾. Hay Charles Maybon nhận xét về mối quan hệ rộng mở giữa Đàng Trong và các quốc gia trong khu vực như sau: *"Các nhà buôn không phải chỉ từ phương Bắc hay phương Nam đến An Nam mà cả ở những miền xa*

xôi nhất như Trung Quốc, Ma Cao, Nhật Bản, Manila và Malacca..."⁽¹²⁾.

Không chỉ giao thiệp với các nước trong khu vực, Đàng Trong còn xác lập thêm nhiều mối giao lưu với các quốc gia Phương Tây. Thương nhân Bồ Đào Nha là những người Phương Tây đầu tiên đến yết kiến và đặt quan hệ buôn bán với chúa Nguyễn (năm 1613). Nhờ sự trung gian của các giáo sĩ, người Bồ Đào Nha đã đến Hội An và các thương cảng ở Đàng Trong để mua tơ lụa, quế, đường, kỳ nam, trầm hương ... để chở về Ma Cao hay Malacca, đồng thời bán diêm sinh, cánh kiến, sành sứ, hợp kim, kẽm, đồng, chì... với lãi suất cao⁽¹³⁾. Sau người Bồ Đào Nha, thương nhân các nước Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp, Anh... cũng tìm đến đặt quan hệ thương mại, trao đổi hàng hóa, thiết lập các thương điểm làm trung gian để thúc đẩy thương mại với Đàng Trong.

Chưa thời kỳ nào trong lịch sử, kinh tế ngoại thương lại phát triển rộng mở như vậy. Chúa Nguyễn đã thoát li khỏi tư duy "trọng nông ức thương" tồn tại từ trước đến nay: ngoại thương trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển của Đàng Trong. Chính quyền Đàng Trong xem thương nghiệp là nền kinh tế chủ lực, thậm chí là lẽ sống còn: *"Đối với các nước khác ở Đông Nam Á, vấn đề ngoại thương chỉ là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong, vào buổi đầu đây là vấn đề sống chết"*⁽¹⁴⁾.

2. Tính mở của văn hóa - xã hội Đàng Trong

Đàng Trong là một vùng đất mới, nơi tập hợp nhiều thành phần lưu dân từ khắp

nơi đến định cư: từ những nông dân mất ruộng đất, đến những người trốn phải đi lính, từ những người có vật lực, đến những người tù phạm trốn tránh chính quyền... Sự phức tạp trong thành phần dân cư tạo nên tính đa dạng, tính mở về văn hóa - xã hội ở vùng đất phía Nam. Theo Li Tana, từ thế kỷ XVII, đồng bằng sông Hồng không còn là trung tâm duy nhất của văn minh Đại Việt, Thuận - Quảng trở thành một trung tâm mới, “một vùng đất mới”. Đây không chỉ là sự mở rộng về mặt lãnh thổ mà một xã hội mới với một nền tảng kinh tế - văn hóa mới đã chính thức được xác lập⁽¹⁵⁾. Khác với vùng đất Đàng Ngoài mang đậm ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa từ ngàn đời, Đàng Trong ra đời trên tiền đề một khu vực Ấn hóa đậm nét. Ngay từ đầu ở vùng đất này, người Việt di cư đã dễ dàng chấp nhận và có sự hòa nhập văn hóa với các cộng đồng cư dân khác cùng cộng cư ở đây (Chăm, Hoa, Khmer, Mạ, Xtiêng). Các chúa Nguyễn cũng có những đối sách khéo léo để tạo nên sự hòa nhập về xã hội và tiếp biến văn hóa: từ thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã khuyến khích dân (với nhiều thành phần: từ người nghèo khổ vô gia cư, đến những người giàu có vật lực, kể cả binh lính...) di cư vào phía Nam khai phá đất đai, mở rộng lãnh thổ, thiết lập thôn xóm⁽¹⁶⁾. Đồng thời văn hóa Việt cũng ngày càng thấm sâu vào vùng đất mới, trở thành hành trang của lưu dân trên con đường nam tiến. Sự hỗn dung, tiếp biến văn hóa đã diễn ra mạnh mẽ ở Đàng Trong. Một bức tranh văn hóa- xã hội đầy màu sắc, hoàn toàn khác với Đàng Ngoài: “Người Kinh người Thổ ở lẫn... đàn ông mặc quần áo người Kinh, đàn bà mặc quần

áo người Thổ, tang hôn tế tự đều đại khái giống tục người Kinh. Tương truyền là người Kinh Thuận Hóa đến đây, lấy vợ người Thổ, lâu ngày sinh nở thành đông, cho nên dân đã đồng hóa”⁽¹⁷⁾. Rõ ràng xã hội Đàng Trong là một xã hội mở trong việc tiếp thu, tiếp biến văn hóa. Văn hóa Việt giữ vị trí ngày càng quan trọng trên cơ sở tiếp thu, hòa nhập với những yếu tố văn hóa bản địa. Tục cúng Cá Ông, các lễ hội miền biển, ghe bầu, lúa Chiêm, mùa Chiêm và hệ thống miếu Bà Giàng, Bà Lôi, Bà Thu Bồn, Thiên Y A Na, Thiên Mụ, Bà Om,... được hình thành và tồn tại cho đến ngày nay là những biểu hiện cụ thể nói lên sự tiếp biến, “Việt hóa” các yếu tố bản địa để tồn tại và phát triển của người Việt trên chặng đường Nam tiến.

Về tư tưởng tôn giáo, trên cơ sở đề cao tính địa phương hóa của Đàng Trong, Li Tana cho rằng: đây là “vùng đất hữu Phật phi Nho”, trái ngược với với tư tưởng độc tôn Nho giáo ở Đàng Ngoài⁽¹⁸⁾. Tuy nhiên theo tác giả, các chúa Nguyễn bắt đầu từ Nguyễn Hoàng không thể rời bỏ tư tưởng Nho giáo (mà ông đã được tắm mình từ thuở thiếu thời) và trong quá trình gây dựng vùng đất mới không thể tách rời khỏi những khuôn khổ trật tự xã hội, cũng như đạo đức luân lí của Nho giáo. Mặc dù vậy, để phù hợp với đặc trưng xã hội của vùng đất mới (nơi mà văn hóa có sự đan xen, với truyền thống của một vùng đất đậm nét Ấn hóa...) và cũng xuất phát từ mong muốn xây dựng một hệ tư tưởng cai trị quốc gia độc lập với Đàng Ngoài, chính quyền chúa Nguyễn đã thực hành một chính sách tôn giáo tương đối mở: có sự kết hợp nhuần nhuyễn, phát triển truyền thống tam giáo

(Nho-Phật-Đạo) đồng nguyên của dân tộc, trong đó Phật giáo giữ vị trí quan trọng. Chính chúa Nguyễn Phúc Chu đã thể hiện quan điểm về tôn giáo mới⁽¹⁹⁾ rất rõ trong bài văn bia dựng ở chùa Thiên Mụ vào năm 1715: “*Nguyện lấy tính thiện làm tôn chỉ, lấy lòng lành mà ứng xử muôn việc. Sống và làm theo Nho mà lòng mộ đạo Phật, vì làm chính trị không thể không thi hành điều nhân, tin đạo trọng tăng, luôn nghĩ điều nhân quả mà lo trồng phước, đất nước thái bình, thân tâm an lạc*”⁽²⁰⁾. Có thể thấy Đàng Trong chính là trung tâm điểm hội tụ và là nơi giao thoa văn hóa - xã hội mạnh mẽ. Cùng với bước chân của người Việt, những tôn giáo như Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo Đại thừa được lan tỏa, cùng với những tôn giáo và tín ngưỡng truyền thống bản địa từ lâu đời vẫn tồn tại và biến đổi (Bà la môn - Ấn Độ giáo, Phật giáo Tiểu thừa...), ngoài ra còn có những tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng người Hoa, Nhật Bản và Phương Tây, đã hội tụ ở vùng đất mới khai phá. Những tín ngưỡng, tôn giáo này không bài xích mà có sự hỗn dung tạo nên sự đa dạng, tính mở trong tôn giáo của vùng đất Đàng Trong.

G. Condominas nhận định: Sự mở rộng lãnh thổ về phía nam theo chiều dài của Việt Nam đã làm cho tôn giáo ở vùng đất Đàng Trong thêm đa dạng, phong phú nhờ sự mở rộng giao thoa văn hóa tín ngưỡng của người Việt với các cộng đồng cư dân khác. Trước hết là với những người Chăm sống trên một dải đồng bằng duyên hải Nam Trung bộ với tín ngưỡng tôn giáo Bà la môn giáo và Hồi giáo; sau đó là các tín đồ Khmer theo Phật giáo Theravada ở đồng bằng sông Mekong. Cũng theo G.

Condominas: sự giao thoa này cùng với những yếu tố của nền văn hóa Đông Dương thời sơ khai kết hợp với nhau tạo thành một thuyết hỗn dung chồng lên nhau một cách sâu sắc vượt ra khỏi quan niệm Tam giáo của người Việt trước đây⁽²¹⁾.

Ngoài ra, tính mở của xã hội vùng đất mới này còn thể hiện trong việc Đàng Trong dễ dàng chấp nhận những hành vi khác với truyền thống như: cướp biển, sử dụng tượng binh, đặc biệt là buôn bán nô lệ⁽²²⁾. Ở cuối thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn đã miêu tả hiện tượng này diễn ra rất bình thường ở Đàng Trong, đặc biệt là cùng với sự gia tăng nhu cầu nhân lực phục vụ cho quá trình khai phá ở vùng đất phía Nam. Vậy nên sau khi sáp nhập phủ Gia Định vào Đàng Trong, chúa Nguyễn bên cạnh chiêu mộ “dân có vật lực” ở vùng Thuận-Quảng, thì còn cho “*thu con trai con gái người Mọi ở các đầu nguồn, đem bán làm nô tì (người đen tóc quăn là Mọi thực, giá tiền 20 quan, hơi trắng giá tiền chỉ 10 quan), cho tự lấy nhau, sinh đẻ nuôi nấng thành người, cày ruộng làm nghề nghiệp*”⁽²³⁾. Có thể thấy chúa Nguyễn đã quen thuộc với chế độ nô lệ, và việc buôn bán người Thượng đã trở nên bình thường đến độ triều đình đã qui định về giá cả rất cụ thể. Cùng nhận định tương tự, thương nhân Poivre đến Đàng Trong vào năm 1750 cũng cho biết: “Tôi yêu cầu nhà vua cho tôi ít nhất là một số người Mọi hay nô lệ để làm thợ thủ công (vì người nô lệ trong vùng này chỉ là những người thô lỗ bị người Đàng Trong bắt từ núi về). Nhà vua trả lời là điều này không có gì khó nhưng ông gợi ý là tôi chờ sang năm sau và ông hứa sẽ cung cấp đủ cho tôi số nô lệ vào khi

ấy. Ông nói thêm rằng năm nay ông chỉ có thể dần xếp để mua hai loại nô lệ: loại man dã vì mới bắt được, chưa được giáo dục đầy đủ nên chả làm được gì có ích; và loại đã quen với vùng này và được dạy dỗ một số kỹ thuật. Nhưng tôi mới vừa mua về xong thì chúng đã bỏ trốn vì chúng muốn quay về với vợ con”⁽²⁴⁾.

3. Kết luận

Từ khi quyết định sẽ xây dựng một lãnh thổ riêng ở phía Nam, trong bối cảnh thuận lợi của khu vực và thế giới, các chúa Nguyễn đã sớm lựa chọn và tập trung để phát triển thương nghiệp, nhất là ngoại thương. Hệ thống hải cảng ở Đàng Trong luôn tấp nập thương nhân các nước trong khu vực cũng như các quốc gia Phương Tây, trở thành nơi thu về các mối lợi lớn “không tả xiết” cho chính quyền chúa Nguyễn. Sự khởi sắc của hoạt động ngoại thương đã góp phần làm thay đổi diện mạo của vùng đất Đàng Trong. Từ một vùng đất “ô châu ác địa”, chủ yếu là rừng rậm và thú dữ chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành một cường quốc trong khu vực, một trung tâm thương mại quan trọng ở Đông Nam Á. Đây chính là một điểm tựa quan trọng giúp cho chúa Nguyễn phần nào cân bằng sức mạnh với Đàng Ngoài để giữ vững được sự tồn tại của chính thể, vừa là bước đệm để tiến xuống khai phá vùng đất Nam Bộ. Sự phát triển của hoạt động thương mại đã tạo nên tính mở của kinh tế, cũng như văn hóa-xã hội của Đàng Trong ở thế kỷ XVII-XVIII. Tính mở về kinh tế xã hội giúp Đàng Trong dễ dàng tiếp thu những yếu tố thuận lợi từ bên ngoài, hòa nhập cùng dòng chảy ngoại thương của thế giới trong “kỷ

nguyên đại thương”, dễ dàng tiếp nhận làn sóng người Hoa giàu tiềm lực đang ồ ạt rời bỏ đất nước sau biến cố chính trị để chạy xuống khu vực Đông Nam Á.../.

CHÚ THÍCH

1. Hội khoa học Lịch sử Việt Nam (2009), *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.126.
2. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.85.
3. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.87.
4. Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, tr.93.
5. Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, tr.92
6. Nguyễn Văn Kim (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.497.
7. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.21.
8. Nguyễn Văn Kim (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.126.
9. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.8.
10. Champa và Phù Nam là những vương quốc có nền thương mại biển tương đối phát triển ở khu vực ở những thế kỷ đầu công nguyên.
11. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.114.

12. Charles B.Maybon (2006), *Những người Châu Âu ở nước An Nam*, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch). Hà Nội: Nxb Thế giới, tr.34.
13. Nguyễn Văn Kim (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.499.
14. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.85.
15. Li Tana (1998), "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the 17th and 18th Century", *Journal of Southeast Asian Studies*, 3/1998.
16. Xem thêm Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội
17. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb giáo dục, Hà Nội, tr.132.
18. Li Tana (1998), "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the 17th and 18th Century", *Journal of Southeast Asian Studies*, 3/1998.
19. Đa phần các nhà nghiên cứu gọi chính sách tôn giáo này của chính quyền Đàng Trong là: "Cư Nho mộ Thích".
20. Nguyễn văn: "性善以為宗更心良而應事居儒慕釋以政治無不行仁信道崇僧就因果而思種福承平國界安樂身心因知處豐屋何如方丈馳良馬何如振錫錦衣耀世不似袈裟金玉滿堂本還虛白久食珍者豈觀飯來香積聽樂者豈聞梵音響際此昌期之世還尋歡喜之園有為無為並行不悖" [Phan Đăng, 2007, *Quan điểm cư Nho mộ thích của các vua chúa nhà Nguyễn qua văn bia chùa Huế*, <http://www.hannom.org.vn>, cập nhật ngày 19/8/2007].
21. Georges Condominas (2003), "Tôn giáo Việt Nam", *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
22. Li Tana (1998), "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the 17th and 18th Century", *Journal of Southeast Asian Studies*, 3/1998.
23. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Li Tana (1998), "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the 17th and 18th Century", *Journal of Southeast Asian Studies*, 3/1998.
25. Charles B.Maybon (1920), *Những người Châu Âu ở nước An Nam*, Nguyễn Thừa Hỷ (dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội.
26. Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
27. Georges Codominas (2003), "Tôn giáo Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 2/2003
28. Hội khoa học Lịch sử Việt Nam (2009), *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
29. Li Tana (1998), "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the 17th and 18th Century", *Journal of Southeast Asian Studies*, 3/1998.
30. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử Kinh tế - xã hội thế kỷ 17 -18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
31. Phan Đăng (2007), *Quan điểm cư Nho mộ thích của các vua chúa nhà Nguyễn qua văn bia chùa Huế*, <http://www.hannom.org.vn>, cập nhật ngày 19/8/2007.
32. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Kim (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
34. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội.
35. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb giáo dục, Hà Nội.
36. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO